

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2024/HS-ST
Ngày: 17-9-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Phương

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Lê Thị Trúc Linh

2/ Bà Nguyễn Thị Mên

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Hoàng Minh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Đoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 50/2024/TLST-HS ngày 26 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2024/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 8 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Bé H, sinh ngày 05/7/1983, tại: huyện T, tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: ấp V, xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị Kim Ph, sinh năm 1966; có chồng: Trịnh Công T1, sinh năm 1981 (đã ly hôn); con: Trịnh Nhã P1, sinh năm 2001 và Trịnh Gia H1, sinh năm 2005; tiền sự; tiền án: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27/3/2024 đến nay tại xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Thị S, sinh ngày 01/01/ 1972, tại huyện T, tỉnh Vĩnh Long; nơi cư

trú: ấp V, xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị Y (đã chết); anh chị em ruột có tất cả 03 người (kể cả bị cáo); có chồng: Đặng Văn Bé B, sinh năm 1967; con: Đặng Văn S, sinh năm 1991; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27/3/2024 đến nay tại xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

3. Trần Quốc Th, sinh ngày 24/3/1990, tại huyện T, tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: ấp M, xã Th, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Tr (đã chết) và bà Nguyễn Thị Kim P2, sinh năm 1964; anh chị em ruột có tất cả 02 người (kể cả bị cáo); tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27/3/2024 đến nay tại xã Th, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

4. Phan Quốc K, sinh ngày 29/8/2005, tại huyện T, tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: ấp Ô, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Quốc H2, sinh năm 1972 và bà Bùi Thị Thu Tr1, sinh năm 1980; anh chị em ruột có tất cả 02 người (kể cả bị cáo); tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/7/2024 đến nay tại xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

5. Trần Hữu P, sinh ngày 06/5/2005, tại huyện T, tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: ấp V, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn L1, sinh năm 1953 và bà Nguyễn Thị Thúy L, sinh năm 1973; anh chị em ruột có tất cả 02 người (kể cả bị cáo); tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/7/2024 đến nay tại xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại*: Anh **Huỳnh Văn L**, sinh năm 1972 (Có đơn xin vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh

- *Người làm chứng*:

1. Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1966 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

2. Ông **Đặng Văn Bé B**, sinh năm 1967 (Có mặt).

Nơi cư trú: ấp V, xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 01/12/2023, Nguyễn Bé H, sinh năm 1983 ngụ ấp V, xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh Long có ký hợp đồng mua bán bưởi với Huỳnh Văn L, sinh năm 1972 ngụ ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh, nội dung hợp đồng là Bé H sẽ độc quyền mua bưởi, tức chỉ Bé H được mua bưởi của ông L tại vườn bưởi thuộc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long trong thời gian từ 01/12/2023 đến ngày 09/02/2024, bưởi có trọng lượng trên 01kg sẽ mua với giá là 25.000 đồng/kg, bưởi có trọng lượng dưới 01kg sẽ mua với giá là 12.500 đồng/kg, hình thức là mua xô tức Bé H buộc phải mua hết số bưởi của ông L, kể cả bưởi nhỏ, da xấu, móp méo, chỉ để lại những trái bị hư, nứt không ăn được (nhưng phải để lại trên cây, không được cắt xuống), trước khi đến hái Bé H sẽ gọi cho ông L biết, khi hái bưởi và tính tiền xong thì số bưởi đó mới thuộc quyền sở hữu của Bé H.

Từ ngày 05/12/2023 đến ngày 26/01/2024, Bé H đến cắt bưởi của ông L nhiều lần (không nhớ rõ Bao nhiêu lần). Đến ngày 27/01/2024, do giá bưởi xuống thấp nên Bé H nói với những nhân công cắt bưởi thuê cho Bé H gồm: Nguyễn Thị S, sinh năm 1972 ngụ ấp V, xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; Trần Quốc Th, sinh năm 1990 ngụ ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; Phan Quốc K, sinh năm 2005, ngụ ấp Ô, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long và Trần Hữu P, sinh năm 2005 ngụ ấp V, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long hái những trái bưởi da bị xấu, móp méo đì xuống đáy mương trong vườn của ông L, mục đích để không phải mua số bưởi xấu này với giá cao tránh lỗ vốn. Sau khi nghe Bé H kêu thì S, Th, P và K đã thực hiện hành vi hái, lựa chọn những trái bưởi xấu rồi dùng tay, chân đè, đập, đì xuống đáy mương nhiều lần, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 27/01/2024, Bé H cùng với S, Th, P và K đến vườn của ông L để hái bưởi, sau khi vào vườn thì Th, P và K là người trực tiếp hái bưởi và đưa xuống ghe để S lựa những trái bưởi da xấu, móp méo để riêng, khi thấy số lượng nhiều S dùng tay ném những trái bưởi xấu đó xuống mương, còn Th, P và K thay phiên nhau dùng tay, chân dè, đập, dìm số bưởi này xuống đáy mương (không cho bưởi nổi lên) với số lượng khoảng 600kg (trong đó có khoảng 40kg bưởi dưới 01kg, còn lại là bưởi trên 01kg).

Lần thứ hai: Ngày 28/01/2024, Bé H cùng với S, Th, P và K tiếp tục đến vườn của ông L để hái bưởi, Th, P và K là người trực tiếp hái bưởi và đưa xuống ghe để S tiếp tục lựa những trái bưởi da xấu, móp méo ném xuống mương cho Th, P và K thay phiên nhau dè, đập, dìm số bưởi trên xuống đáy mương với số lượng khoảng 600kg (trong đó có khoảng 40kg bưởi dưới 01kg, còn lại là bưởi trên 01kg).

Trong hai lần này, sau khi vận chuyển bưởi đã hái và tuyển chọn ra ngoài, Bé H điện thoại kêu ông L đến vườn xem cân, tính tiền rồi đi về.

Lần thứ B: Ngày 29/01/2024, S, Th và Đặng Văn Bé B, sinh năm 1967 ngụ ấp V, xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (P và K có công việc nên xin nghỉ) tiếp tục đến vườn của ông L để hái bưởi theo yêu cầu của Bé H, tại đây Th và Bé B là người trực tiếp hái bưởi, trong lúc hái bưởi thì S (bơi ghe) lựa những trái bưởi da xấu, móp méo ném xuống mương cho Th dè, đập, dìm số bưởi trên xuống đáy mương với số lượng khoảng 390kg (trong đó có khoảng 30kg bưởi dưới 01kg, còn lại là bưởi trên 01kg). Đến trưa cùng ngày, Bé H mới đem cơm đến cho S, Th và Bé B ăn, sau đó cả nhóm tiếp tục hái bưởi. Đến khoảng 14 giờ ngày 29/01/2024, trong lúc Bé H, Th và Bé B đang cắt bưởi thì ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1966, ngụ ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long đi đặt vón trong vườn bưởi của ông L thì phát hiện có nhiều trái bưởi bị dìm nên báo cho ông L biết, sau đó ông L trình báo Công an xã T đến lập biên bản và tiến hành vớt lên, xác định số bưởi trên đã bị hư, không còn giá trị sử dụng.

Các bị cáo Nguyễn Thị S, Trần Quốc Th, Phan Quốc K và Trần Hữu P là người làm thuê cho bị cáo Nguyễn Bé H được trả công từng ngày, cụ thể: S được trả 200.000 đồng/ngày, còn Th, K và P được trả 300.000 đồng/ngày.

Căn cứ Biên bản xác định tình trạng bưởi của ông L bị thiệt hại do Công an xã T, huyện T lập, xác định: trọng lượng bưởi trên 01kg là 1.480kg, bưởi dưới 01kg là 110kg. Tổng cộng là 1.590 kg.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 07/KL-ĐGTS ngày 11/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Trà Ôn, kết luận:

- 1.480kg bưởi có trọng lượng mỗi trái trên 01kg có giá là 20.000 đồng/kg có tổng trị giá: $1.480\text{kg} \times 20.000 \text{ đồng/kg} = 29.600.000 \text{ đồng}$.

- 110kg bưởi có trọng lượng mỗi trái dưới 01kg có giá là 15.000 đồng/kg có tổng trị giá: $110\text{kg} \times 15.000 \text{ đồng/kg} = 1.650.000 \text{ đồng}$.

Tổng giá trị tài sản bị hủy hoại là 31.250.000 đồng (B mươi một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng).

Như vậy, Nguyễn Bé H, Nguyễn Thị S và Trần Quốc Th phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi huỷ hoại 1.590kg bưởi vào các ngày 27, 28 và 29/01/2024, có tổng giá trị tài sản bị huỷ hoại là: 31.250.000 đồng (B mươi một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng). Còn Phan Quốc K và Trần Hữu P phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi huỷ hoại 1.200kg bưởi (trong đó: có 80kg bưởi dưới 01kg) vào các ngày 27, 28/01/2024, có tổng giá trị tài sản bị huỷ hoại là: 23.600.000 đồng (hai mươi B triệu sáu trăm ngàn đồng).

Ngày 27/3/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trà Ôn ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, Quyết khởi tố bị can đối với Nguyễn Bé H, Nguyễn Thị S và Trần Quốc Th, đến ngày 08/7/2024 ra Quyết khởi tố bị can đối với Phan Quốc K và Trần Hữu P về tội “Huỷ hoại tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự.

Việc thu giữ tài liệu, đồ vật, xử lý vật chứng:

- Đối với 1.590 kg bưởi, tình trạng bị dính nhiều bùn đất, không có cuốn, hiện đã giao trả lại cho bị hại xong.

- 04 (bốn) cây kéo (dùng cắt bưởi), trong đó: có 03 cây kéo cầm tay, mỗi cây dài 17cm, phần lưỡi dài 08cm và 01 cây kéo dài 218cm, phần lưỡi dài 26cm, do Trần Hữu P giao nộp.

- Vật chứng không thu giữ: 02 (hai) ghe dùng để chở bưởi là của bị hại Huỳnh Văn L.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Bé H đã bồi thường cho bị hại là Huỳnh Văn L số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng), bị hại đã nhận đủ tiền và không có yêu cầu gì thêm, đối với số tiền trên bị cáo Bé H bồi thường giúp các bị cáo S, Th, K và P, không yêu cầu các bị cáo trả lại.

Tại bản Cáo trạng số: 55/CT-VKSTÔ ngày 19 tháng 8 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn đã truy tố các bị cáo Nguyễn Bé H, Nguyễn Thị S, Trần Quốc Th, Phan Quốc K và Trần Hữu P về tội “*Hủy hoại tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo Nguyễn Bé H, Nguyễn Thị S, Trần Quốc Th, Phan Quốc K và Trần Hữu P thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn truy tố các bị cáo là đúng hành vi của các bị cáo, không oan, các bị cáo khai nhận: Vào các ngày 27, 28 và 29/01/2024, tại vườn bưởi của Huỳnh Văn L thuộc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, các bị can Nguyễn Bé H, Nguyễn Thị S, Trần Quốc Th, Phan Quốc K và Trần Hữu P đã nhiều lần có hành vi huỷ hoại tài sản của ông L, cụ thể: Lần thứ nhất: Vào ngày 27/01/2024, Nguyễn Bé H, Nguyễn Thị S, Trần Quốc Th, Phan Quốc K và Trần Hữu P có hành vi huỷ hoại 600kg bưởi của ông L, trị giá là 11.800.000 đồng (mười một triệu tám trăm ngàn đồng). Lần thứ hai: Vào ngày 28/01/2024, Nguyễn Bé H, Nguyễn Thị S, Trần Quốc Th, Phan Quốc K và Trần Hữu P tiếp tục có hành vi huỷ hoại 600kg bưởi của ông L, trị giá là 11.800.000 đồng (mười một triệu tám trăm ngàn đồng). Lần thứ B: Vào ngày 29/01/2024, Nguyễn Bé H, Nguyễn Thị S và Trần Quốc Th có hành vi huỷ hoại 390kg bưởi của ông L, trị giá là 7.650.000 đồng (bảy triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng). Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã biết hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật, các bị cáo đã ăn năn hối cải nên xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo đến mức thấp nhất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn trình bày luận tội vẫn giữ quan điểm truy tố các bị cáo Nguyễn Bé H, Nguyễn Thị S, Trần Quốc Th, Phan Quốc K và Trần Hữu P theo tội danh và Điều luật đã nêu trong Cáo trạng. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Bé H, Nguyễn Thị S, Trần Quốc Th, Phan Quốc K và Trần Hữu P phạm tội “*Hủy Hoại tài sản*”.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 178, Điều 17; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Bé H từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 03 (B) năm đến 04 (bốn) năm, thời gian thử thách được tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 17/9/2024).

Ngoài ra, áp dụng khoản 5 Điều 178 của Bộ luật Hình sự phạt bổ sung bị cáo Nguyễn H từ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) đến 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

2. Áp dụng khoản 1 Điều 178, Điều 17; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị S từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 02 (hai) năm đến 03 (B) năm, thời gian thử thách được tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 17/9/2024).

Do bị cáo S có hoàn cảnh gia đình kinh tế khó khăn, bản thân bị cáo đi làm thuê thu nhập không ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo S.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 178, Điều 17; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Quốc Th từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 02 (hai) năm đến 03 (B) năm, thời gian thử thách được tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 17/9/2024).

Do bị cáo Th có hoàn cảnh gia đình kinh tế khó khăn, bản thân bị cáo đi làm thuê thu nhập không ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo Th.

4. Áp dụng khoản 1 Điều 178, Điều 17; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phan Quốc K từ 06 (sáu) tháng đến 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 01 (một) năm đến 02 (hai) năm, thời gian thử thách được tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 17/9/2024).

Do bị cáo K có hoàn cảnh gia đình kinh tế khó khăn, bản thân bị cáo đi làm thuê thu nhập không ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung là

phạt tiền cho bị cáo K.

5. Áp dụng khoản 1 Điều 178, Điều 17; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Hữu P từ 06 (sáu) tháng đến 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 01 (một) năm đến 02 (hai) năm, thời gian thử thách được tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 17/9/2024).

Do bị cáo P có hoàn cảnh gia đình kinh tế khó khăn, bản thân bị cáo đi làm thuê thu nhập không ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo P.

Về trách nhiệm dân sự:

Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Nguyễn Bé H đã bồi thường cho bị hại ông Huỳnh Văn L số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng), bị hại ông L đã nhận đủ tiền và không có yêu cầu gì thêm nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đối với số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) bị cáo Nguyễn H đã đứng ra bồi thường cho bị hại ông Huỳnh Văn L, bị cáo Nguyễn Bé H không yêu cầu các bị cáo Nguyễn Thị S, Trần Quốc Th, Phan Quốc K và Trần Hữu P trả lại cho bị cáo nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên:

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trà Ôn đã trả lại cho bị hại ông Huỳnh Văn L 1.590kg bưởi, tình trạng bị đánh nhiều bùn đất, không có cuốn do đây là tài sản của ông L.

Tịch thu tiêu hủy 04 (Bốn) cây kéo dùng để cắt bưởi, trong đó: có 03 cây kéo cầm tay, mỗi cây dài 17cm, phần lưỡi dài 08cm và 01 cây kéo dài 218cm, phần lưỡi dài 26cm của bị cáo Nguyễn H do bị cáo Trần Hữu P giao nộp đây là công cụ các bị cáo dùng vào việc phạm tội.

Hiện các vật chứng trên do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long đang quản lý theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 21/8/2024.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Bn

Thường vụ Quốc hội. Buộc các bị cáo Nguyễn Bé H, Nguyễn Thị S, Trần Quốc Th, Phan Quốc K và Trần Hữu P mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Trà Ôn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những chứng cứ xác định có tội: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người làm chứng, biên bản sự việc cùng các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, qua đó xác định: Vào các ngày 27, 28 và 29/01/2024, tại vườn bưởi của Huỳnh Văn L thuộc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, các bị can Nguyễn Bé H, Nguyễn Thị S, Trần Quốc Th, Phan Quốc K và Trần Hữu P đã nhiều lần có hành vi huỷ hoại tài sản của ông L, cụ thể:

Lần thứ nhất: Vào ngày 27/01/2024, Nguyễn Bé H, Nguyễn Thị S, Trần Quốc Th, Phan Quốc K và Trần Hữu P có hành vi huỷ hoại 600kg bưởi của ông L, trị giá là 11.800.000 đồng (mười một triệu tám trăm ngàn đồng).

Lần thứ hai: Vào ngày 28/01/2024, Nguyễn Bé H, Nguyễn Thị S, Trần Quốc Th, Phan Quốc K và Trần Hữu P tiếp tục có hành vi huỷ hoại 600kg bưởi của ông L, trị giá là 11.800.000 đồng (mười một triệu tám trăm ngàn đồng).

Lần thứ B: Vào ngày 29/01/2024, Nguyễn Bé H, Nguyễn Thị S và Trần Quốc Th có hành vi huỷ hoại 390kg bưởi của ông L, trị giá là 7.650.000 đồng (bảy triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng).

Như vậy, các bị cáo Nguyễn Bé H, Nguyễn Thị S và Trần Quốc Th phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi huỷ hoại 1.590kg bưởi, có tổng giá trị là 31.250.000 đồng (Ba mươi một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng). Các bị cáo: Phan Quốc K và Trần Hữu P phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi huỷ hoại 1.200kg bưởi, có tổng giá trị là: 23.600.000 đồng (hai mươi Ba triệu sáu trăm ngàn đồng).

Hành vi của các bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội “*Hủy hoại tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Như vậy, Cáo trạng số 55/CT-VKSTÔ ngày 19/8/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn truy tố các bị cáo và lời đề nghị của vị Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai cho các bị cáo.

[3] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Bé H, Nguyễn Thị S, Trần Quốc Th, Phan Quốc K và Trần Hữu P là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu về an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, các bị cáo nhận thức được hành vi huỷ hoại tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Cụ thể trong vụ án này nhằm mục đích không phải mua bưởi xấu với giá cao tránh lỗ vốn nên bị cáo Bé H đã nói với các bị cáo S, Th, K và P hái những trái bưởi xấu, móp méo chìm xuống đáy mương trong vườn của ông L và hậu quả đã gây thiệt hại tài sản cho ông L với giá trị là 31.250.000 đồng. Do đó, cho thấy hành vi của các bị cáo là xem thường tài sản của người khác và xem thường sự trừng phạt của pháp luật, nên cần phải xử lý nghiêm minh nhằm răn đe giáo dục riêng và phòng ngừa chung trong xã hội.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo phạm tội không có sự cấu kết chặt chẽ, không có sự phân công nhiệm vụ cụ thể mà từng bị cáo tự hiểu và cùng thực hiện. Trong đó, bị cáo Nguyễn Bé H là người trực tiếp kêu các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội và là người hưởng lợi trong vụ án nên có vai trò chính trong vụ án vì vậy mức hình phạt dành cho bị cáo phải nặng hơn các bị cáo còn lại. Các bị cáo Nguyễn Thị S và Trần Quốc Th là người có vai trò giúp sức tích cực cho bị

cáo Nguyễn H, các bị cáo cùng với bị cáo Bé H thực hiện hành vi phạm tội trong 03 ngày, trong đó bị cáo S vừa bơi ghe, phân loại buồm xấu vì vậy có vai trò tích cực hơn các bị cáo còn lại nên mức hình phạt dành cho các bị cáo S, Th tuy nhẹ hơn bị cáo Bé H nhưng phải nặng hơn so với các bị cáo còn lại. Các bị cáo Phan Quốc K và Trần Hữu P là người trực tiếp cắt buồm, thực hiện vi phạm tội trong 02 ngày nhưng thiệt hại tài sản mà các bị cáo gây ra thấp hơn so với các bị cáo Bé H, S và Th nên mức hình phạt dành cho các bị cáo sẽ nhẹ hơn so với các bị cáo khác trong vụ án.

[4] Về tình tiết tăng nặng:

Các bị cáo Nguyễn Bé H, Nguyễn Thị S, Trần Quốc Th, Phan Quốc K và Trần Hữu P bị áp dụng tình tiết tăng nặng là phạm tội hai lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ:

Xét thấy nhân thân của các bị cáo tốt, chưa có tiền án, tiền sự; sau khi phạm tội các bị cáo đã khắc phục hậu quả cho bị hại; trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thể hiện sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xét thấy các bị cáo Nguyễn Bé H, Nguyễn Thị S, Trần Quốc Th, Phan Quốc K và Trần Hữu P có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự và được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, phía bị hại ông Huỳnh Văn L cũng có đơn tha thiết xin giảm hình phạt cho các bị cáo, sau sự việc xảy ra các bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho bị hại, tiếp tục thực hiện hợp đồng mua bán buồm với bị hại ông L cho tới nay và các bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng và đủ điều kiện được hưởng các tình tiết được quy định tại Nghị quyết số 02/VBHN-TANDTC ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự xử cho các bị cáo được hưởng treo thấy cũng đủ điều kiện để giáo dục các bị cáo trở thành người hữu dụng sau này và cho thấy chính sách khoan hồng của pháp luật đối với các bị cáo.

Ngoài ra, cần áp dụng khoản 5 Điều 178 của Bộ luật Hình sự phạt bổ sung với hình thức là phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Bé H số tiền là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Riêng đối với các bị cáo Nguyễn Thị S, Trần Quốc Th, Phan Quốc K và Trần Hữu P do có hoàn cảnh gia đình kinh tế khó khăn, bản thân các bị cáo đi làm thuê thu nhập không ổn định nên Hội đồng xét xử quyết định miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Nguyễn Bé H đã bồi thường cho bị hại ông Huỳnh Văn L số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng), bị hại ông L đã nhận đủ tiền và không có yêu cầu gì thêm nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đối với số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) bị cáo Nguyễn Bé H đã đứng ra bồi thường cho bị hại ông Huỳnh Văn L, bị cáo Nguyễn Bé H không yêu cầu các bị cáo Nguyễn Thị S, Trần Quốc Th, Phan Quốc K và Trần Hữu P trả lại cho bị cáo nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự:

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trà Ôn đã trả lại cho bị hại ông Huỳnh Văn L 1.590kg bưởi, tình trạng bị đánh nhiều bầm dập, không có cuốn do đây là tài sản của ông L.

Tịch thu tiêu hủy 04 (Bốn) cây kéo dùng để cắt bưởi, trong đó: có 03 cây kéo cầm tay, mỗi cây dài 17cm, phần lưỡi dài 08cm và 01 cây kéo dài 218cm, phần lưỡi dài 26cm của bị cáo Nguyễn Bé H do bị cáo Trần Hữu P giao nộp đây là công cụ các bị cáo dùng vào việc phạm tội. Hiện các vật chứng trên do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long đang quản lý theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 21/8/2024.

[8] Về các vấn đề khác:

Đối với ông Đặng Văn Bé B có tham gia hái bưởi vào ngày 29/01/2024 nhưng không nghe, không biết bị cáo H kêu dim bưởi, đồng thời không có hành vi hủy hoại tài sản nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trà Ôn không đề cập xử lý là

có căn cứ.

[9] Về án phí sơ thẩm:

Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Bn Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Bé H, Nguyễn Thị S, Trần Quốc Th, Phan Quốc K và Trần Hữu P mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Bé H, Nguyễn Thị S, Trần Quốc Th, Phan Quốc K và Trần Hữu P phạm tội “*Hủy hoại tài sản*”.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

2.1. Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 178, Điều 17, Điều 38; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Bé H **01 (một) năm 06 (sáu) tháng** tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **03 (B) năm**, thời gian thử thách được tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 17/9/2024).

Giao người bị kết án Nguyễn Bé H cho Ủy Bn nhân dân xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh Long giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục đối với người bị kết án.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Áp dụng hình phạt bổ sung: Buộc bị cáo Nguyễn Bé H nộp 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) vào ngân sách Nhà nước.

2.2. Áp dụng khoản 1 Điều 178, Điều 17, Điều 38; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị S **01 (một)** năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **02 (hai)** năm, thời gian thử thách được tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 17/9/2024).

Giao người bị kết án Nguyễn Thị S cho Ủy Bn nhân dân xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh Long giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục đối với người bị kết án.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo S.

2.3. Áp dụng khoản 1 Điều 178, Điều 17, Điều 38; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Quốc Th **01 (một)** năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **02 (hai)** năm, thời gian thử thách được tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 17/9/2024).

Giao người bị kết án Trần Quốc Th cho Ủy Bn nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục đối với người bị kết án.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo Th.

2.4. Áp dụng khoản 1 Điều 178, Điều 17, Điều 38; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phan Quốc K **06 (sáu)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **01 (một)** năm, thời gian thử thách được tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 17/9/2024).

Giao người bị kết án Phan Quốc K cho Ủy Bn nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục đối với người bị kết án.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo K.

2.5. Áp dụng khoản 1 Điều 178, Điều 17, Điều 38; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Hữu P **06 (sáu)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **01 (một)** năm, thời gian thử thách được tính kể từ ngày tuyên án sơ

thăm (ngày 17/9/2024).

Giao người bị kết án Trần Hữu P cho Ủy Bn nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục đối với người bị kết án.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo P.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Nguyễn Bé H đã bồi thường cho bị hại ông Huỳnh Văn L số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng), bị hại ông L đã nhận đủ tiền và không có yêu cầu gì thêm nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đối với số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) bị cáo Nguyễn H đã đứng ra bồi thường cho bị hại ông Huỳnh Văn L, bị cáo Nguyễn Bé H không yêu cầu các bị cáo Nguyễn Thị S, Trần Quốc Th, Phan Quốc K và Trần Hữu P trả lại cho bị cáo nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên:

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trà Ôn đã trả lại cho bị hại ông Huỳnh Văn L 1.590kg bưởi, tình trạng bị đánh nhiều bùn đất, không có cuốn do đây là tài sản của ông L.

Tịch thu tiêu hủy 04 (Bốn) cây kéo dùng để cắt bưởi, trong đó: có 03 cây kéo cầm tay, mỗi cây dài 17cm, phần lưỡi dài 08cm và 01 cây kéo dài 218cm, phần lưỡi dài 26cm của bị cáo Nguyễn Bé H do Trần Hữu P giao nộp đây là công cụ các bị cáo

dùng vào việc phạm tội.

Hiện các vật chứng trên do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long đang quản lý theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 21/8/2024.

5. Về án phí hình sự sơ thẩm:

Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Bn thường vụ Quốc hội.

Buộc các bị cáo Nguyễn Bé H, Nguyễn Thị S, Trần Quốc Th, Phan Quốc K và Trần Hữu P mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho các bị cáo biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy Bn nhân dân xã, phường nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long (01);
- VKSND tỉnh Vĩnh Long (01);
- Sở tư pháp tỉnh Vĩnh Long (01);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Vĩnh Long (01);
- VKSND huyện T (01);
- CCTHADS huyện T (01);
- Công an huyện T (02);
- UBND xã V (01);
- UBND xã T (01);
- UBND xã T (01);
- Bị cáo (05);
- Bị hại (01);
- Lưu: Hồ sơ vụ án (01).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên)

Ngô Văn Phương